

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TX GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 30/2022/DSST

Ngày: 12/4/2022

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay
tài sản, hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TXGC, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Tuấn Trường

2. Ông Nguyễn Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân TXGC;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TXGC tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân TXGC, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2020/TLST-DS, ngày 06/10/2020, về việc tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2022/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 02 năm 2022; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 12/TB-TA, ngày 16 tháng 3 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 14/TB-TA, ngày 05 tháng 4 năm 2022; giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm: 1975.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn H, sinh năm: 1971.

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã BX, TXGC, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: 1) Bà Võ Thị B, sinh năm: 1972.

2) Ông Mai Văn Ph, sinh năm: 1969.

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã BX, TXGC, tỉnh Tiền Giang.

(Ông H, bà B có mặt; ông Ph xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn là bà Lê Thị C trình bày và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà C là ông Ngô Văn H trình bày:***

Bà B vay tiền của bà C và mua hụi do bà C làm đầu thảo, cụ thể như sau:

Về tiền vay: Ngày 10/7/2015, bà C cho bà B vay 70.000.000 đồng. Khi vay tiền, bà B hẹn vài ngày trả lại nhưng chưa trả lần nào. Đến nay, bà B còn nợ bà C 70.000.000 đồng.

Về tiền hụi: Bà B mua hụi (còn gọi là *mượn hụi*), tại các dây hụi do bà C làm đầu thảo. Các phần hụi mua như sau:

1) Bà B mua 04 phần hụi của dây hụi mở ngày 20/01/2018 (âm lịch). Dây hụi có 29 phần, 2.000.000đ/phần, đến ngày 20 tháng 4 (tháng 4 sau - âm lịch) năm 2020 thì mảng hụi. Cụ thể như sau:

- Ngày 20/6/2018, mua 2 phần, mỗi phần 56.000.000 đồng, thành tiền là 112.000.000 đồng.

- Ngày 20/8/2018, mua 1 phần là 56.000.000 đồng.

- Ngày 20/01/2019, mua 1 phần là 56.000.000 đồng.

Khi mua hụi có thỏa thuận, hàng tháng bà B phải đóng tiền lãi tương ứng với số tiền lời do hụi viên bỏ hụi, tại kỳ hụi bà B mua là 450.000đ/phần. Bà B nợ 10 kỳ tiền lãi của 04 phần hụi là 18.000.000 đồng ($450.000\text{đ}/\text{phần} \times 4 \text{ phần} \times 10 \text{ kỳ}$). Tổng cộng, bà B nợ tiền của dây hụi này là 242.000.000 đồng [$(56.000.000\text{đ} \times 4) + 18.000.000\text{đ}$].

2) Bà B mua 02 phần hụi của dây hụi mở ngày 05/10/2018 (âm lịch). Dây hụi có 23 phần, 2.000.000đ/phần, đến tháng 05/7/2020 (âm lịch), thì mảng hụi. Cụ thể như sau:

- Ngày 05/3/2019, mua 1 phần là 110.000.000 đồng.

- Ngày 05/4/2019, mua 1 phần là 110.000.000đồng.

Khi mua hụi có thỏa thuận, hàng tháng bà B phải đóng tiền lãi tương ứng với số tiền lời do hụi viên bỏ hụi, tại kỳ hụi bà B mua là 400.000đ/phần. Bà B nợ 20 kỳ tiền lãi của 02 phần hụi mua là 16.000.000 đồng ($400.000\text{đ}/\text{phần} \times 2 \text{ phần} \times 20 \text{ kỳ}$). Tổng cộng, bà B nợ tiền của dây hụi này là 236.000.000 đồng [$110.000.000\text{đ} \times 2) + 16.000.000\text{đ}$].

3) Bà B mua 02 phần hụi của dây hụi mở ngày 05/10/2018 (âm lịch). Dây hụi có 25 phần, 2.000.000đ/phần, đến tháng 05/9/2020 (âm lịch) thì mảng hụi. Cụ thể như sau:

- Ngày 05/01/2019, mua 1 phần là 48.000.000 đồng.

- Ngày 05/3/2019, mua 1 phần là 48.000.000 đồng.

Khi mua hụi có thỏa thuận, hàng tháng bà B phải đóng tiền lãi tương ứng với số tiền lời do hụi viên bỏ hụi, tại kỳ hụi bà B mua là 400.000đ/phần. Bà B nợ 10 kỳ tiền lãi của 02 phần hụi mua là 8.000.000 đồng ($400.000\text{đ}/\text{phần} \times 2 \text{ phần} \times 10 \text{ kỳ}$). Tổng cộng, bà B nợ tiền của dây hụi này là 104.000.000 đồng [$48.000.000\text{đ} \times 2) + 8.000.000\text{đ}$].

4) Bà B mua 02 phần hụi của dây hụi mở ngày 10/02/2019 (âm lịch). Dây hụi có 30 phần, 2.000.000đ/phần, đến tháng 10/6/2021 (âm lịch) thì mảng hụi. Cụ thể như sau:

- Ngày 10/02/2019, mua 1 phần là 58.000.000đ.

- Ngày 10/5/2019, mua 1 phần là 58.000.000đ.

Khi mua hội có thỏa thuận, hàng tháng bà B phải đóng tiền lãi tương ứng với số tiền lời do hội viên bỏ hội, tại kỳ hội bà B mua là 400.000đ/phần. Bà B nợ 13 kỳ tiền lãi từ ngày 10/6/2019 đến 10/6/2020) của 02 phần hội mua là 10.400.000 đồng (400.000đ/phần x 2 phần x 13 kỳ). Tổng cộng, bà B nợ tiền của dây hội này là 126.400.000 đồng [58.000.000đ x 2) + 10.400.000đ].

Tất cả 04 dây hội mua, bà B còn nợ bà C số tiền là 708.400.000 đồng (242.000.000đ + 236.000.000đ + 104.000.000đ + 126.400.000đ).

Ngoài các phần hội mua nêu trên, bà B hốt các phần hội khác cũng trong năm 2019 nhưng không đóng lại hội cH. Bà C phải bỏ tiền cá nhân đóng cho các hội viên thay bà B với số tiền là 130.500.000 đồng. Bà B cũng chưa trả lại bà C.

Đến ngày 14/5/2020, bà B và bà C tính lại các khoản nợ tiền hội. Bà B còn nợ bà C số tiền 838.900.000 đồng (708.400.000đ + 130.500.000đ). Bà B có làm biên nhận nợ cùng ngày 14/5/2020.

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 10 tháng 8 năm 2020, bà C kiện bà B và ông Ph cùng có nghĩa vụ trả số tiền vay, tiền hội còn nợ tổng cộng là 908.900.000 đồng. Ngày 01 tháng 6 năm 2021, bà C rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông Ph trả nợ cùng với bà B. Tại phiên tòa hôm nay, tôi xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu bà B trả cho bà C số tiền bà C đã đóng hội cH thay cho bà B trong năm 2019 là 130.500.000 đồng.

Nay, bà C yêu cầu bà B trả cho bà C số tiền vay là 70.000.000 đồng và tiền hội là 708.400.000 đồng, tổng cộng số tiền là 778.400.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

**** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa; bị đơn bà Võ Thị B trình bày:***

Tôi có vay tiền của bà C và còn nợ bà C 70.000.000 đồng theo biên nhận ngày 10 tháng 7 năm 2015, đến nay chưa trả. Theo Kết luận giám định số 1420/C09B, ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Phân viện Khoa học hình sự - Tại thành phố Hồ Chí Minh, xác định: Chữ ký tên “B” và chữ viết họ tên “Võ Thị B” trong biên nhận vay tiền ngày 10/7/2015, so với mẫu chữ ký và chữ viết của tôi tại hồ sơ vay vốn ngân hàng, là do tôi ký và viết nên đồng ý trả cho bà C 70.000.000 đồng tiền vay theo biên nhận ngày 10/7/2015.

Trước đây tôi có mua hội do bà C làm đầu thảo. Sau đó có trả dần nhưng trả chưa H nợ. Cụ thể, tôi đã trả bao nhiêu tiền và còn nợ lại bà C bao nhiêu tiền tôi không nhớ. Trước khi bà C khởi kiện, bà C và ông H đến nhà tôi đưa tờ giấy viết sẵn và cho rằng sang tên người tôi nợ là bà C qua ông H và yêu cầu tôi ký tên vào tờ giấy nói trên. Do tôi tin lời bà C và ông H nên không đọc nội dung và ký tên vào tờ giấy ông H, bà C đưa. Khi bà C khởi kiện, tôi mới biết là đã ký tên vào tờ giấy nợ tiền hội.

Theo Kết luận giám định số 1420/C09B, ngày 27 tháng 4 năm 2021 và Kết luận giám định số 60/C09B, ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Phân viện Khoa học hình sự - Tại thành phố Hồ Chí Minh, xác định: Chữ ký tên “B” và chữ viết họ tên “Võ Thị

B” trong giấy ghi tiền nợ hui, ngày 14/5/2020 và chữ viết “B”, “B mượn” trong 02 tờ giấy ghi việc mua hui, so với mẫu chữ ký và chữ viết của tôi tại hồ sơ vay vốn Ngân hàng, là do tôi ký và viết nên tôi đồng ý trả cho bà C tiền hui còn nợ là 708.400.000 đồng. Hiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không có khả năng trả 01 lần theo yêu cầu của bà C. Tôi xin trả mỗi năm 30.000.000 đồng.

*** Tại “*Bản tự khai*” ngày 26 tháng 10 năm 2020 và “*Biên bản lấy lời khai của đương sự*” ngày 11/02/2022, bị đơn, ông Mai Văn Ph trình bày:**

Tôi không cùng với bà B vay tiền và mua hui của bà C nên không biết cụ thể. Trước khi bà C khởi kiện, tôi có nghe bà B nói lại là có nợ tiền vay và tiền hui của bà C. Nay bà C không yêu cầu tôi cùng bà B trả nợ tôi không ý kiến gì.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung vụ án: Ngày 01 tháng 6 năm 2021, bà C có đơn rút yêu cầu khởi kiện ông Ph trả nợ. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà C xin rút một phần yêu cầu là không yêu cầu bà B trả số tiền đóng choàng hui của năm 2019 là 130.500.000 đồng. Ông H yêu cầu bà B trả cho bà C tiền vay 70.000.000 đồng và tiền hui còn nợ là 708.400.000 đồng, tổng cộng là 778.400.000 đồng. Bà B đồng ý trả cho bà C số tiền tổng cộng là 778.400.000 đồng. Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326//2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề xuất: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà B trả cho bà C 778.400.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Ph cùng trả nợ; yêu cầu bà B trả 130.500.000 đồng tiền hui, nợ của năm 2019. Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ tranh chấp giữa bà Lê Thị C và bà Võ Thị B là tranh chấp về: “*Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui*” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn, ông Mai Văn Ph xin vắng mặt. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vụ kiện vắng mặt ông Ph.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 01/6/2021, bà C rút một phần yêu cầu khởi kiện - Không yêu cầu ông Ph cùng trả nợ cho bà C. Tại phiên tòa hôm nay, ông H rút một phần yêu cầu khởi kiện,

không yêu cầu bà B trả cho bà C số tiền đóng hui thay bà B là 130.500.000 đồng. Đây là *quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự*. Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà C.

Tại phiên tòa, ông H yêu cầu bà B trả cho bà C số tiền vay còn nợ là 70.000.000 đồng và tiền mua hui còn nợ 708.400.000 đồng, tổng cộng là 778.400.000 đồng. Bà B đồng ý trả cho bà C 778.400.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của các bên đương sự, không trái quy định pháp luật nên ghi nhận.

Xét về thời gian trả:

Bà C yêu cầu bà B trả 778.400.000 đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Bà B xin trả mỗi năm 30.000.000 đồng. Xét thấy, theo thỏa thuận chung trong giao về hợp đồng góp hui thì thời hạn thanh toán các khoảng nợ hui khi dây hui kết thúc (mãng hui). Bà B vay tiền từ năm 2015, các dây hui bà B mua cũng đã mãn từ năm 2015, nhưng bà B không trả tiền cho bà C mà kéo dài đến nay. Nay lại xin trả dần là làm thiệt thòi cho quyền lợi của bà C. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà C. Buộc bà B trả cho bà C 778.400.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy ý kiến phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, nên chấp nhận.

Về án phí: Yêu cầu của bà C được chấp nhận nên bà C không phải nộp án phí. Bà B có nghĩa vụ trả tiền nên phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 463, Điều 466 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C.
- Buộc bà Võ Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị C số tiền vay và tiền hui còn nợ tổng cộng là 778.400.000 (*bảy trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm*) đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.
- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C về việc yêu cầu ông Mai Văn Ph trả nợ; yêu cầu bà B trả tiền đóng hui thay bà B là 130.500.000 đồng.
- Về án phí:
 - + Bà Võ Thị B phải nộp 35.136.000 (*ba mươi lăm triệu một trăm ba mươi sáu nghìn*) đồng, án phí dân sự sơ thẩm.
 - + Bà Lê Thị C và ông Mai Văn Ph không nộp án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả cho bà Lê Thị C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 19.633.500 (*mười chín triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn năm trăm*) đồng, theo biên lai thu số 43998, ngày 06 tháng 10 năm 2020, của Chi cục Thi hành án Dân sự TXGC.

Đến hạn trả tiền, nếu bà Võ Thị B không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

**TM. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND TXGC;
- THA DS TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI